

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 20/2019/DS-PT

Ngày: 26 - 4 - 2019

V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu

Bà Mai Thị Minh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Ngọc Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công Khi vụ án dân sự thụ lý số 08/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58 /2019/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1938; địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Bị đơn:

1. Ông Vũ Thanh H, sinh năm 1961; địa chỉ: Số nhà 1160, tỉnh lộ 10, khu phố 6, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí M.

2. Ông Vũ Thanh V, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm S, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

2. Ông Vũ Thanh L, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm S, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

3. Ông Vũ Thanh N, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà 5A, lô 22, đường L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

4. Ông Vũ Thanh P, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà 73, đường 3.6 khu đô thị G, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

5. Ông Vũ Thanh M, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

6. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố số 11, thị trấn Thịnh Long, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Kh, bà N, ông L, ông P, ông M, bà L, ông N: Bà Phạm Thị N – Luật sư thuộc Chi nhánh số 1 văn phòng luật sư Nam Thái tại Nam Định.

Người kháng cáo: Ông Vũ Thanh V, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm S, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt ông H, ông V, bà Ninh; Bà Kh, ông M, ông N, ông P, bà N, bà L, ông L có đơn xin xét xử vắng mặt và ủy quyền cho Luật sư Phạm Thị N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kh trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kh kết hôn với ông Vũ Hùng L sinh được tất cả 8 người con gồm: Ông Vũ Thanh H, ông Vũ Thanh V, bà Vũ Thị N, ông Vũ Thanh L, ông Vũ Thanh N, ông Vũ Thanh P, ông Vũ Thanh M, bà Vũ Thị L, hiện cả 8 người con đã lập gia đình ở riêng. Trước năm 1972, gia đình bà sinh sống tại nhà đất sát đê biển nên thuộc diện phải di chuyển để đảm bảo an toàn. Ông L đã làm đơn xin cấp đất và được Nhà nước cấp cho thổ đất diện tích 1.325 m² thuộc thửa số 89, tờ bản đồ số 20 xã H như hiện nay.

Sau khi được cấp đất, do các con đều còn nhỏ (ông H lớn nhất khi đó mới 11 tuổi), ông L, bà Kh đã san lấp xây nhà vào năm 1977, đến năm 1984 có tu sửa và ở cho đến cuối năm 2017. Theo chủ trương chung của Nhà nước về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đang sử dụng. Ông L, bà Kh

đã đứng ra kê Khi quyền sử dụng đất. Ngày 14/9/2000, UBND huyện H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lần đầu) cho ông L, bà Kh đứng tên chủ hộ ông Vũ Hùng L. Tại thời điểm năm 2000, hộ ông Vũ Hùng L chỉ có 02 khẩu là ông L và bà Kh.

Quá trình chung sống, tài sản ông L, bà Kh tạo lập được gồm: nhà xây 5 gian lợp ngói; nhà dưới 3 gian lợp ngói và các công trình phụ khác; quyền sử dụng diện tích 1.325 m² (trong đó 195 m² đất ở, 680 m² đất vườn tạp, 450 m² ao nuôi cá tại thửa số 89, tờ bản đồ số 20 và quyền sử dụng diện tích 910 m² đất ruộng muối thuộc thửa số 20/9, tờ bản đồ số 16 xã H. Tuy nhiên, diện tích 910 m² đất ruộng muối gia đình đã thống nhất bán nên hiện bà Kh không quản lý, tài sản còn lại chỉ bao gồm nhà xây 5 gian lợp ngói, nhà dưới 3 gian lợp ngói và các công trình phụ khác; quyền sử dụng đất diện tích 1.325 m². Các con ông L, bà Kh đều có gia đình ở riêng nên nhà đất chỉ có ông L, bà Kh sử dụng. Năm 2016, ông L chết không để lại di chúc, nhà đất do bà Kh tiếp tục quản lý, sở hữu, sử dụng.

Do tuổi cao, sức khỏe yếu, việc ở một mình không đảm bảo nên bà Kh đã bàn bạc với các con để bà đứng ra bán nhà đất là tài sản chung của ông L, bà Kh để lấy tiền mua đất khác làm nhà gần con nào đó để trông cậy lúc ốm đau. Tháng 6/2017, bà Kh đã vay mượn tiền mua đất và xây nhà tại vị trí ngay sát thổ đất của anh Vũ Thanh M là con trai út. Vì còn thiếu tiền nên bà Kh đã gọi người bán nhà đất là tài sản chung giữa ông L, bà Kh nhưng ông H, ông V không nhất trí nên không bán được. Nay bà Kh đề nghị Tòa án nhân dân huyện H chia tài sản chung cho ông L, bà Kh sau đó chia thừa kế tài sản của ông L để lại cho bà Kh và 8 người con. Để thuận tiện cho việc sử dụng và chuyển nhượng sau này, bà Kh xin nhận sở hữu sử dụng toàn bộ nhà đất và có trách nhiệm thanh toán giá trị bằng tiền theo kỷ phần được chia cho 8 người con theo quy định pháp luật.

Tại bản tự Khi và quá trình tố tụng, bị đơn ông Vũ Thanh H, ông Vũ Thanh V có cùng ý kiến và yêu cầu như sau: Về quan hệ hôn nhân giữa ông L, bà Kh; quan hệ gia đình giữa ông L, bà Kh, ông H, ông V, ông L, ông N, ông P, ông M, bà N, bà L như bà Kh đã trình bày là đúng. Mặc dù hiện nay, cả 8 người con của ông L, bà Kh đều có gia đình ở riêng nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện tranh chấp đứng tên hộ ông Vũ Hùng L. Ông H, ông V cho rằng đất này UBND huyện H cấp cho cả hộ (gồm ông L, bà Kh và 8 người con), nhà 5 gian và nhà ngang 3 gian lợp ngói là công sức đóng góp của tất cả các thành viên trong gia đình nên đất và các công trình bà Kh đã kê Khi phải là tài sản chung của cả gia đình chứ không phải của riêng ông L, bà Kh như bà Kh trình bày. Ngoài ra, ông H là con trai trưởng của ông L, bà Kh (trưởng N) nên mọi việc trong gia đình từ phân chia tài sản cho đến các vấn đề khác bà Kh và các anh em

đều phải tôn trọng, làm theo ý kiến chỉ đạo của ông H. Việc bà Kh khởi kiện chia tài sản chung và chia thừa kế không phải là ý nguyện của bà Kh mà do sự xúi giục của một số thành viên trong gia đình. Thời gian gần nhất, ông H có hướng sẽ về tại nhà đất đứng tên ông L tu sửa nhà cửa để ở, phụng dưỡng bà Kh và xây dựng nhà từ để thờ cúng gia tiên. Vì vậy, ông H, ông V không nhất trí với yêu cầu của bà Kh, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Kh.

Tại bản tự Khi và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Vũ Thanh L, ông Vũ Thanh N, ông Vũ Thanh P, ông Vũ Thanh M, bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị L có lời Khi phù hợp với lời Khi của bà Kh về quan hệ hôn nhân và gia đình giữa ông L, bà Kh và 8 người con; về khối tài sản chung mà ông L, bà Kh còn lại hiện bà Kh đang quản lý. Nay do ông L chết không để lại di chúc, bà Kh đã già yếu, nguyện vọng bán nhà đất cũ để trả nợ tiền mua nhà đất mới là chính đáng nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của bà Kh. Phần tài sản mà ông L, ông N, ông P, ông M, bà N, bà L được chia sẽ giao lại toàn bộ cho bà Kh, bà Kh có trách nhiệm thanh toán trị giá từng phần theo giá mà Hội đồng định giá đã xác định cho các đồng thừa kế kể trên.

Tại phiên tòa, bà Kh, ông L, ông P, ông N, ông M, bà N, bà L vắng mặt. Ông H, ông V giữ ý kiến, quan điểm như đã trình bày. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Kh, ông L, ông N, ông P, ông M, bà N, bà L đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ lời Khi của các bên đương sự, Biên bản Nam Định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của bà Kh. Giao bà Kh quản lý, sở hữu toàn bộ khối tài sản chung vợ chồng ông L, bà Kh còn lại gồm: quyền sử dụng diện tích 1.325 m² tại thửa số 89, tờ bản đồ số 20 xã H; nhà 5 gian và nhà 3 gian lợp ngói và các công trình phụ khác. Bà Kh có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản mà các đồng thừa kế (được chia thừa kế từ tài sản của ông L) theo giá mà Hội đồng định giá đã xác định.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định đã quyết định:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kh.

2. Xác nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.325 m² trong đó 195 m² đất ở, 680 m² đất vườn tạp, 450 m² ao nuôi cá tại thửa số 89, tờ bản đồ số 20 ở xóm N Ninh, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định và quyền sở hữu 01 nhà mái ngói 5 gian, 01 nhà mái ngói 3 gian, 01 bếp mái ngói trên diện tích đất này là tài sản chung của ông Vũ Hùng L và bà Nguyễn Thị Kh.

3. Xác nhận tài sản của bà Nguyễn Thị Kh bằng di sản thừa kế của ông Vũ Hùng L và bằng quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích 1.325 m² đất tại thửa số 89, tờ bản

đồ số 20 ở xóm N Ninh, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định và quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ các tài sản: 01 nhà mái ngói 5 gian, 01 nhà mái ngói 3 gian, 01 bếp mái ngói trên diện tích đất này, có giá trị là 309.685.000đ (ba trăm linh chín triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Chia giá trị di sản thừa kế: Bà Nguyễn Thị Kh, ông Vũ Thanh V, ông Vũ Thanh H, ông Vũ Thanh L, ông Vũ Thanh N, ông Vũ Thanh P, ông Vũ Thanh M, bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị L mỗi người được hưởng $\frac{1}{9}$ giá trị di sản thừa kế của ông Vũ Hùng L là 34.409.000đ (ba tư triệu, bốn trăm linh chín nghìn đồng).

4. Bà Nguyễn Thị Kh được chia $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung và được hưởng $\frac{1}{9}$ giá trị di sản thừa kế của ông Vũ Hùng L có tổng giá trị là 344.094.000đ (ba trăm bốn bốn triệu, không trăm chín tư nghìn đồng).

5. Giao bà Nguyễn Thị Kh được quyền sử dụng thửa đất diện tích 1.325 m² trong đó 195 m² đất ở, 680 m² đất vườn tạp, 450 m² ao nuôi cá tại thửa số 89, tờ bản đồ số 20 ở xóm N Ninh, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định và quyền sở hữu 01 nhà mái ngói 5 gian, 01 nhà mái ngói 3 gian, 01 bếp mái ngói trên diện tích đất này.

6. Bà Nguyễn Thị Kh phải có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho ông Vũ Thanh V, ông Vũ Thanh H, ông Vũ Thanh L, ông Vũ Thanh N, ông Vũ Thanh P, ông Vũ Thanh M, bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị L mỗi người 34.409.000đ (Ba tư triệu, bốn trăm linh chín nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 29/11/2018, Bị đơn trong vụ án là ông Vũ Thanh V có đơn kháng cáo với nội dung: Xác nhận theo lời căn dặn của cha tôi với con trưởng (mẹ tôi là người chứng kiến từ đầu đến cuối cuộc dẫn đó), giao con trưởng quyền điều hành mọi sự về đối nội, đối ngoại của gia đình; Xác lập, xác nhận tài sản gồm có: Một nhà xây 5 gian lợp ngói, một nhà dưới 3 gian lợp ngói và các công trình khác trên thổ đất 1325 m² là di sản chung thuộc chi tộc họ Vũ. ông Vũ Hùng L tới đây được nâng cấp, tu sửa nhà 3 gian thành nhà từ thờ tổ tiên, ông bà, cha mẹ... Nhà 5 gian làm nhà khách để con cháu có nơi chôn đi về hội họp và thấp hương tổ tiên. Tài sản này không thuộc về bất cứ thành viên nào xúi giục bán hoặc chuyển nhượng bất cứ hình thức nào trên khuôn viên nhà đất đó.

Tại phiên toà, ông V giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ông V và ông Vũ Thanh H có nộp bổ sung cho Tòa án một biên bản họp gia đình photo với nội dung: Đánh giá tổng quát tình cảm anh em trong gia đình, P hướng trong thời gian tới phần Tổ tiên và phân công nhiệm vụ trong gia đình nề nếp gia phong, cấu trúc gia đình, quan điểm chỉ đạo, phân công từng thành viên.....

Một bản xin xác nhận về quá trình sinh sống, hoạt động đóng góp công sức, xây dựng kinh tế cho gia đình, tạo lập thổ đất và tài sản hiện hữu của ông Vũ Thanh H và ông Vũ Thanh V từ năm 1961 đến năm 1992. Trong bản xác nhận

có xác nhận của các ông , bà cùng khu xóm và tổ sản xuất về công sức đóng góp của ông H và ông V trong thời gian đó.

Một bản yêu cầu, đề nghị với nội dung: Đơn khởi kiện và tờ Khi bổ sung bà Nguyễn Thị Kh ký tên, do đương sự Vũ Thị N, Vũ Thanh M chủ mưu; Luật sư Phạm Thị Ninh mưu sĩ hoàn tất nội dung hoàn toàn gian dối, giả tạo, Khi man, lừa dối. Mục đích ngăn chặn không cho chúng tôi thực hiện lời căn dặn của cụ L trước khi qua đời. Đương sự Vũ Thị N, Vũ Thanh M chủ mưu xúi giục cụ Kh mua đất của thông gia làm nhà thờ, xúi giục cụ Kh ký đơn khởi kiện. Luật sư Phạm Thị Ninh bảo hộ cho khách hàng hoàn tất nội dung khởi kiện và tờ Khi bổ sung hoàn toàn giả tạo, sai trái, Khi man, lừa dối. Thẩm phán Phạm Văn Thung trong quá trình giải quyết vụ việc đã đồng tình, thao túng, bao che cho những hành vi gian dối, giả tạo, Khi man, lừa dối, xét xử không đảm bảo quyền con người, công lý, công M, quyết định bản án không đúng pháp luật. Trong bản yêu cầu, bổ sung ông H và ông V phân tích rất chi tiết và nêu căn cứ pháp luật về từng nội dung nêu trên.

Ngoài ra ông V và Ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 65/2018/DSST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H. Về án phí, các đương sự phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Vũ Thanh V có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận về mặt hình thức.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Vũ Thanh V:

-Về khối tài sản chung của ông Vũ Hùng L, bà Nguyễn Thị Kh: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kh, ông Vũ Thanh L, ông Vũ Thanh N, ông Vũ Thanh P, ông Vũ Thanh M, bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị L đều khẳng định thửa đất diện tích 1.325 m² tại thửa số 89, tờ bản đồ số 20 xã H, huyện H, tỉnh Nam Định và nhà 5 gian, nhà 3 gian lợp ngói, công trình phụ trên diện tích đất này là tài sản chung hợp pháp của ông L, bà Kh. Ông Vũ Thanh H, ông Vũ Thanh V cho

rằng nhà và các công trình xây dựng có được từ năm 1972 là do có sự đóng góp của các thành viên trong gia đình, đặc biệt là ông H (con trưởng); quyền sử dụng đất UBND huyện cấp cho hộ ông Vũ Hùng L là cấp cho cả gia đình chứ không phải cấp cho ông L, bà Kh nên khối tài sản kê trên phải là tài sản chung của cả gia đình, bà Kh không có quyền quyết định. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Vũ Thanh H là con trai trưởng của ông L, bà Kh sinh năm 1961 thì thời điểm năm 1972 ông H mới chỉ 11 tuổi, còn đang đi học. Năm 1984, ông L, bà Kh có tu sửa nhà và các công trình khác nhưng bà Kh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thừa nhận việc ông H, ông V đóng góp tiền của, công sức; ông V, ông H cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc có đóng góp trong việc tạo lập khối tài sản mà bà Kh đã kê Khi. Kết quả xác minh tại Công an xã H ngày 25 tháng 9 năm 2018 thể hiện: Từ thời điểm bắt đầu cấp sổ hộ khẩu (năm 1994), hộ ông Vũ Hùng L, bà Nguyễn Thị Kh do ông Vũ Hùng L đứng tên chủ hộ (quyền số 92 cấp ngày 10/12/1994) gồm có 6 thành viên: Ông L, bà Kh, anh M, chị L, chị Thắm (vợ anh M), cháu Thọ (con trai anh M). Ngày 30/10/1998, anh M xin tách hộ, tách cả 3 khẩu trong tiểu gia đình gồm anh M, chị Thắm, cháu Thọ vào hộ anh M. Ngày 29/12/1998, chị L lấy chồng và xin chuyển khẩu về thị trấn Thịnh Long. Như vậy, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000, hộ ông L chỉ còn lại 2 khẩu là ông L và bà Kh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 352994 do UBND huyện H cấp cho hộ ông Vũ Hùng L ngày 14/9/2000 là đúng quy định pháp luật. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định tài sản gồm nhà 5 gian, nhà 3 gian lợp ngói, công trình phụ và quyền sử dụng đất diện tích 1.325 m² tại thửa số 89, tờ bản đồ số 20 xã H là tài sản chung hợp pháp của ông Vũ Hùng L và bà Nguyễn Thị Kh.

Đối với quyền sử dụng diện tích 910 m² đất ruộng muối thuộc thửa số 20/9, tờ bản đồ số 16 xã H đã bán, tuy chưa tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hiện bà Kh không còn quản lý, sử dụng nên bà Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người liên quan cũng thống nhất khối tài sản hiện còn lại đang tranh chấp chỉ bao gồm nhà 3 gian, nhà 5 gian, công trình phụ và quyền sử dụng đất diện tích 1.325 m², do đó đối với diện tích đất ruộng muối, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu chia tài sản chung: Hiện ông L đã chết, giữa bà Kh và các con chung của ông L, bà Kh không tự thỏa thuận được việc phân chia tài sản nên bà Kh có quyền yêu cầu chia tài sản chung giữa bà và ông L. Do nhà 5 gian, nhà 3 gian lợp ngói, công trình phụ và quyền sử dụng đất diện tích 1.325 m² tại thửa số 89, tờ bản đồ số 20 xã H là tài sản chung hợp pháp của ông Vũ Hùng L và bà Nguyễn Thị Kh nên phần tài sản của bà Kh được hưởng trong khối tài sản chung là ½ thửa đất diện tích 1.325 m² và ½ các công trình xây dựng.

- Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện: Về thời điểm mở thừa kế: Ông Vũ Hùng L chết ngày 24/11/2016, thời điểm mở thừa kế của ông L là ngày 24/11/2016. Căn cứ khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015: “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản...” thì yêu cầu chia di sản thừa kế ông L để lại của bà Nguyễn Thị Kh còn trong thời hiệu khởi kiện.

- Về diện và hàng thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Vũ Hùng L và bà Nguyễn Thị Kh. Bố mẹ đẻ ông L đều đã chết. Ông L, bà Kh sinh được 8 người con chung hiện đều còn sống, ông L không có con riêng, ông L chết không để lại di chúc. Do đó, căn cứ vào Điều 651, 654 Bộ luật dân sự 2015, hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm bà Kh, ông H, ông V, ông L, ông N, ông P, ông M, bà N, bà L và phần di sản thừa kế của ông L được chia đều cho 9 suất thừa kế nêu trên.

- Về di sản thừa kế: Do nhà 5 gian, nhà 3 gian lợp ngói, công trình phụ và quyền sử dụng đất diện tích 1.325 m² tại thửa số 89, tờ bản đồ số 20 xã H là tài sản chung hợp pháp của ông Vũ Hùng L và bà Nguyễn Thị Kh nên di sản thừa kế ông L để lại là ½ thửa đất diện tích 1.325 m² và ½ các công trình xây dựng.

- Về việc phân chia di sản thừa kế: Bà Nguyễn Thị Kh xin nhận toàn bộ di sản thừa kế của ông Kh bằng hiện vật và nhận có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản được chia cho các đồng thừa kế khác. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông L, ông N, ông P, ông M, bà N, bà L nhất trí với ý kiến của bà Kh. Bị đơn ông H, ông V không nhất trí chia tài sản chung của ông L, bà Kh; không nhất trí chia thừa kế tài sản của ông L; không nhận thừa kế và đề nghị bà Kh cùng các anh chị em trong gia đình không chia, giữ toàn bộ khối tài sản mang tên ông L, bà Kh lại làm nơi thờ cúng chung, đi về chung của các anh em trong gia đình. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, căn cứ biên bản xem xét thẩm định thực địa xét thấy việc chia di sản thừa kế của ông Vũ Hùng L bằng hiện vật cho các đồng thừa kế là không đảm bảo mục đích sử dụng, không thuận lợi cho các đương sự trong việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chấp nhận yêu cầu của bà Kh, giao toàn bộ di sản thừa kế của ông L bằng hiện vật cho bà Kh quản lý, sở hữu đồng thời buộc bà Kh phải có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác của ông L trị giá phần tài sản được chia là phù hợp pháp luật.

Tại biên bản Thẩm định giá ngày 14-9-2018, Hội đồng định giá đã xác định tổng trị giá khối tài sản chung của ông L, bà Kh là 619.370.000đ (sáu trăm mười chín triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Do đó, phần tài sản của bà Kh được chia bằng di sản của ông L để lại và có giá trị bằng 309.685.000đ (ba trăm linh chín triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Kỳ phần mỗi đồng thừa kế của

ông L được hưởng có giá trị là 34.409.000đ (Ba mươi bốn triệu, bốn trăm linh chín nghìn đồng).

Ông Vũ Thanh V kháng cáo với nội dung: Xác nhận theo lời căn dặn của cha tôi với con trưởng (mẹ tôi là người chứng kiến từ đầu đến cuối cuộc dặn đó), giao con trưởng quyền điều hành mọi sự về đối nội, đối ngoại của gia đình; Xác lập, xác nhận tài sản gồm có: Một nhà xây 5 gian lợp ngói, một nhà dưới 3 gian lợp ngói và các công trình khác trên thổ đất 1325 m² là di sản chung thuộc chi tộc họ Vũ. ông Vũ Hùng L tới đây được nâng cấp, tu sửa nhà 3 gian thành nhà từ thờ tổ tiên, ông bà, cha mẹ... Nhà 5 gian làm nhà khách để con cháu có nơi chốn đi về hội họp và thắp hương tổ tiên. Tài sản này không thuộc về bất cứ thành viên nào xúi giục bán hoặc chuyển nhượng bất cứ hình thức nào trên khuôn viên nhà đất đó. Ông V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng M cho việc kháng cáo của mình là có căn cứ. Tất cả các thành viên trong gia đình đều xác nhận cụ L chết không để lại di chúc, lời căn dặn của cụ L chỉ bằng miệng và giao con trưởng điều hành mọi việc về đối nội, đối ngoại chứ không phải ý chí định đoạt về tài sản của gia đình. Việc phân chia di sản thừa kế của Tòa án là đảm bảo quyền lợi của các thành viên trong gia đình. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ tài sản cụ Nguyễn Thị Kh là mẹ của các anh chị em trong gia đình, mâu thuẫn trong nội bộ gia đình thì gia đình phải tự giải quyết với nhau. Vì vậy, những lý do kháng cáo của ông Vũ Thanh V không có cơ sở chấp nhận.

Ông V và ông Vũ Thanh H có nộp bổ sung cho Tòa án một biên bản họp gia đình photo với nội dung: Đánh giá tổng quát tình cảm anh em trong gia đình, P hướng trong thời gian tới phần Tổ tiên và phân công nhiệm vụ trong gia đình nề nếp gia phong, cấu trúc gia đình, quan điểm chỉ đạo, phân công từng thành viên.....; Một bản xin xác nhận về quá trình sinh sống, hoạt động đóng góp công sức, xây dựng kinh tế cho gia đình, tạo lập thổ đất và tài sản hiện hữu của ông Vũ Thanh H và ông Vũ Thanh V từ năm 1961 đến năm 1992. Trong bản xác nhận có xác nhận của các ông , bà cùng khu xóm và tổ sản xuất về công sức đóng góp của ông H và ông V trong thời gian đó; Một bản yêu cầu, đề nghị với nội dung: Đơn khởi kiện và tờ Khi bổ sung bà Nguyễn Thị Kh ký tên, do đương sự Vũ Thị N, Vũ Thanh M chủ mưu; Luật sư Phạm Thị Ninh mưu sĩ hoàn tất nội dung hoàn toàn gian dối, giả tạo, Khi man, lừa dối. Mục đích ngăn chặn không cho chúng tôi thực hiện lời căn dặn của cụ L trước khi qua đời. Đương sự Vũ Thị N, Vũ Thanh M chủ mưu xúi giục cụ Kh mua đất của thông gia làm nhà thờ, xúi giục cụ Kh ký đơn khởi kiện. Luật sư Phạm Thị Ninh bảo hộ cho khách hàng hoàn tất nội dung khởi kiện và tờ Khi bổ sung hoàn toàn giả tạo, sai trái, Khi man, lừa dối. Thẩm phán Phạm Văn Thung trong quá trình giải quyết vụ việc đã đồng tình, thao túng, bao che cho những hành vi gian dối, giả tạo, Khi man, lừa dối, xét xử không đảm bảo quyền con người, công lý , công M, quyết định bản án không đúng pháp luật. Trong bản yêu cầu, bổ sung ông H và ông V phân tích rất chi tiết và nêu căn cứ pháp luật về từng nội dung nêu trên. Toàn bộ nội dung yêu cầu, đề nghị của ông H và ông V không phải là tài liệu, chứng cứ để chứng

M cho việc kháng cáo. Hơn nữa, một số nội dung không nằm trong phạm vi giải quyết vụ án. Nếu ông V và ông H có căn cứ cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự gian dối, giả tạo, lừa dối, Khi man hoặc người tiến hành tố tụng bao che, thao túng cho những hành vi đó thì đề nghị với cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét những nội dung liên quan đến kháng cáo và quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tóm lại, toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Vũ Thanh V và đề nghị của ông Vũ Thanh H không có căn cứ chấp nhận. HĐXX, quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Vũ Thanh V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 611, 612, 613, 650, 651, 654, 660 Bộ luật dân sự; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 184, 185, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Thanh V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kh.

3. Xác nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.325 m² trong đó 195 m² đất ở, 680 m² đất vườn tạp, 450 m² ao nuôi cá tại thửa số 89, tờ bản đồ số 20 ở xóm N Ninh, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định và quyền sở hữu 01 nhà mái ngói 5 gian, 01 nhà mái ngói 3 gian, 01 bếp mái ngói trên diện tích đất này là tài sản chung của ông Vũ Hùng L và bà Nguyễn Thị Kh.

4. Xác nhận tài sản của bà Nguyễn Thị Kh bằng di sản thừa kế của ông Vũ Hùng L và bằng quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích 1.325 m² đất tại thửa số 89, tờ bản đồ số 20 ở xóm N Ninh, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định và quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ các tài sản: 01 nhà mái ngói 5 gian, 01 nhà mái ngói 3 gian, 01 bếp mái ngói trên diện tích đất này, có giá trị là 309.685.000đ (ba trăm linh chín triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Chia giá trị di sản thừa kế: Bà Nguyễn Thị Kh, ông Vũ Thanh V, ông Vũ Thanh H, ông Vũ Thanh L, ông Vũ Thanh N, ông Vũ Thanh P, ông Vũ Thanh M, bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị L mỗi người được hưởng 1/9 giá trị di sản thừa kế của ông Vũ Hùng L là 34.409.000đ (ba tư triệu, bốn trăm linh chín nghìn đồng).

5. Bà Nguyễn Thị Kh được chia $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung và được hưởng $\frac{1}{9}$ giá trị di sản thừa kế của ông Vũ Hùng L có tổng giá trị là 344.094.000đ (ba trăm bốn bốn triệu, không trăm chín tư nghìn đồng).

6. Giao bà Nguyễn Thị Kh được quyền sử dụng thửa đất diện tích 1.325 m² trong đó 195 m² đất ở, 680 m² đất vườn tạp, 450 m² ao nuôi cá tại thửa số 89, tờ bản đồ số 20 ở xóm N Ninh, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định và quyền sở hữu 01 nhà mái ngói 5 gian, 01 nhà mái ngói 3 gian, 01 bếp mái ngói trên diện tích đất này.

7. Bà Nguyễn Thị Kh phải có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho ông Vũ Thanh V, ông Vũ Thanh H, ông Vũ Thanh L, ông Vũ Thanh N, ông Vũ Thanh P, ông Vũ Thanh M, bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị L mỗi người 34.409.000đ (ba tư triệu, bốn trăm linh chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Về án phí:

- Ông Vũ Thanh V, ông Vũ Thanh H, ông Vũ Thanh L, ông Vũ Thanh N, ông Vũ Thanh P, ông Vũ Thanh M, bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị L mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.720.000đ (một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Kh không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Vũ Thanh V phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Ông V đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0000216 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án huyện H được đối trừ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSD-TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Mai Anh Tuấn